: **Toán**

**Bài 61: SO SÁNH HAI PHÂN SỐ CÙNG MẪU SỐ (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết một phân số bé hơn hoặc lớn hơn 1.

- Vận dụng so sánh để sắp xếp thứ tự phân số.

- Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được cách so sánh trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |
| --- |
| **1. Khởi động:** |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: So sánh hai phân số $\frac{2}{11}$ và$ \frac{9}{11}$+ Câu 2: So sánh hai phân số $\frac{8}{7}$ và$ \frac{6}{7}$+ Câu 3: So sánh phân số với 1: $\frac{1}{2}$ ;$ \frac{6}{5}$; $\frac{9}{9}$.+ Câu 4: Viết các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn: $\frac{3}{5}$ ;$ \frac{1}{5}$; $\frac{4}{5}$.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi- Trả lời:$\frac{2}{11}$ <$ \frac{9}{11}$+ $\frac{8}{7}$ >$ \frac{6}{7}$+ $\frac{1}{2}$ < 1;$ \frac{6}{5}$ > 1; $\frac{9}{9}$ = 1+ - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập** |
| **Bài 2: Làm việc nhóm 2** **a, Đọc và thảo luận nội dung sau:**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2a.- GV giới thiệu quy tắc “thực hành” so sánh phân số với 1.- GV nêu: Ở trên chúng ta đã được giới thiệu cách so sánh hai phân số có cùng mẫu số. Bây giờ, ta có thể nêu lên một dấu hiệu chung nào để so sánh một phân số (bất kì) với số 1 được không? Ví dụ: So sánh $\frac{2}{5}$ và 1?- GV nhận xét, chốt theo *quy tắc* như sau:Phân số nào có:+ Tử số bé hơn mẫu số thì phân số bé hơn 1.+ Tử số lớn hơn mẫu số thì phân số lớn hơn 1.+ Tử số bằng mẫu số thì phân số bằng 1.- GV yêu cầu HS nhắc lại quy tắc. **b. So sánh các phân số với 1:** - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2b.+ Khi so sánh các phân số với 1 thì phải so sánh các yếu tố nào ở phân số?+ Nêu cách so sánh phân số với 1?- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 2.- GV mời đại diện nhóm c$\frac{5}{6}$ ; $\frac{3}{2}$ ; $\frac{9}{19}$ ; $\frac{7}{7}$ ; $\frac{49}{46}$ ; $\frac{32}{71}$- GV mời một số HS khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương và lưu ý cho HS: Đây là trường hợp đặc biệt của quy tắc vừa học: Chỉ cần so sánh tử số và mẫu số của cùng một phân số.**c, Viết ba phân số bé hơn 1, ba phân số lớn hơn 1, ba phân số bằng 1.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2c.- GV mời cả lớp làm việc cá nhân trong trong phiếu bài tập.- GV mời HS nêu kết quả.- GV mời một số HS khác nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương. Củng cố lại về kiến thức đã học. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2a.- HS đọc và thảo luận nhóm 2 nội dung trong SGK và trả lời:$\frac{2}{5}$ < 1- HS lắng nghe.- HS nhắc lại quy tắc.- 1 HS đọc yêu cầu bài 2b.+ Khi so sánh các phân số với 1 thì phải so sánh tử số và mẫu số của phân số.+ Nếu tử số bé hơn mẫu số thì phân số bé hơn 1.+ Nếu tử số lớn hơn mẫu số thì phân số lớn hơn 1.+ Nếu tử số bằng mẫu số thì phân số bằng 1.- HS thảo luận nhóm 2.- Đại diện nhóm chia sẻ kết quả:$\frac{5}{6}$ < 1; $\frac{3}{2}$ > 1; $\frac{9}{19}$ < 1; $\frac{7}{7}$ = 1; $\frac{49}{46}$ > 1; $\frac{32}{71}$ < 1- Một số HS khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- 1 HS đọc yêu cầu bài 2c.- Cả lớp làm việc cá nhân bài tập theo yêu cầu:- HS nêu kết quả:+ Ba phân số bé hơn 1: $\frac{4}{5}$ ; $\frac{7}{8}$ ; $\frac{15}{16}$.+ Ba phân số lớn hơn 1: $\frac{7}{6}$ ; $\frac{4}{3}$ ; $\frac{19}{17}$.+ Ba phân số bằng 1: $\frac{2}{2}$ ; $\frac{5}{5}$ ; $\frac{8}{8}$. |
| **Bài 3: Viết các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: (Làm việc cá nhân vào vở).**-GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.+ Muốn xếp được các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn chúng ta phải làm gì?+ Nêu cách so sánh hai phân số cùng mẫu?- GV mời cả lớp làm việc cá nhân.- GV thu vở chấm một số bài, đánh giá nhận xét chung và sửa lỗi.- GV uốn nắn, sửa chữa các sai sót cho HS (nếu có). | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2c+ Chúng ta phải so sánh các phân số với nhau.- HS nhắc lại- HS làm bài vào vở. 1 bạn làm bảng phụ.a, $\frac{3}{7}$ ; $\frac{5}{7}$ và $\frac{2}{7}$Vì 2 < 3 < 5 nên $\frac{2}{7}$ < $\frac{3}{7}$ < $\frac{5}{7}$b, $\frac{7}{8}$ ; $\frac{5}{8}$ và $\frac{1}{8}$Vì 1 < 5 < 7 nên $\frac{1}{8}$ < $\frac{5}{8}$ < $\frac{7}{8}$.c, $\frac{7}{10}$ ; $\frac{9}{10}$ và $\frac{1}{10}$Vì 1 < 7 < 9 nên $\frac{1}{10}$ < $\frac{7}{10}$ < $\frac{9}{10}$. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** |
| -GV tổ chức vận dụng bằng bài tập 4: - GV mời một số em đưa ra kết quả.+ Đáp án: - So sánh các phân số với nhau: $\frac{2}{9}$ ; $\frac{4}{9}$ và $\frac{1}{9}$- Chọn ra phân số lớn nhất $\frac{4}{9}$ ; phân số bé nhất $\frac{1}{9}$+ Trình bày câu trả lời: Cây lúa chiếm nhiều diện tích nhất.Cây khoai chiếm ít diện tích nhất.- Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- HS nêu yêu cầu của bài.- HS đưa ra kết quả theo hiểu biết của mình.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

Điều chỉnh – Bổ sung: